

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CTN1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122167321303 - T@ ch ã nh doanh nghi p H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3572050715	35CTN1	Ng» Th Kim Ái	28/12/1993				8.5	8.0		8.3	2.5	5.0	3.5	6.0	
2	3572051400	35CTN1	L ² Th Bé	07/02/1993				9.0	10.0		9.5	2.9	6.5	4.6	7.4	
3	3572051352	35CTN1	Phan V ã Chi n	10/09/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	2.0	1.4	4.0	
4	3572050893	35CTN1	Nguy n Th Thu Di m	08/01/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
5	3572050884	35CTN1	Nguy n Th T ¼ Di m	18/01/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	
6	3572050872	35CTN1	L ² Th D p	20/02/1993				8.0	10.0		9.0	2.7	5.5	3.9	6.6	
7	3572050828	35CTN1	B ½ i Huu nh Thanh Duy	02/02/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
8	3572050877	35CTN1	Ph m Duy	18/12/1992				8.0	8.0		8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
9	3572050869	35CTN1	Tr n H u Di ½ g	07/02/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	6.5	4.6	7.1	
10	3572051757	35CTN1	Nguy n Th Tuy t H nh	18/07/1993				9.0	10.0		9.5	2.9	5.5	3.9	6.7	
11	3572050871	35CTN1	Ph m Th Thu H ng	09/11/1993				9.0	9.0		9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
12	3572050866	35CTN1	Võ Xuân Hoa	08/11/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	7.5	5.3	7.8	
13	3572050873	35CTN1	Cao ã c Huy	09/12/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	2.0	1.4	3.8	
14	3572050878	35CTN1	Nguy n Th H ng Huy n	19/10/1993				9.0	10.0		9.5	2.9	5.3	3.7	6.6	
15	3572050844	35CTN1	Nguy n V ã Huu nh	10/07/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	4.8	3.4	5.9	
16	3572050745	35CTN1	Phan Thanh Hùng	16/03/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	
17	3572050886	35CTN1	Ng» Th H ng	09/10/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	6.5	4.6	7.1	
18	3572050867	35CTN1	Tr nh Th Ki u	19/09/1993				9.0	10.0		9.5	2.9	5.3	3.7	6.6	
19	3572050778	35CTN1	Phan Th Lành	21/06/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CTN1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167321303 - T ấ ch ấ nh doanh nghi p H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3572050892	35CTN1	Tr n D ng	Linh	26/01/1993				10.0	10.0		10.0	3.0	8.3	5.8	8.8	
21	3572050812	35CTN1	Nguy n Tri	Lu ấ n	02/09/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
22	3572050771	35CTN1	V ấ Pha	Ly	02/02/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
23	3572051369	35CTN1	Lê Trà	My	01/08/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	3.0	2.1	4.7	N HP
24	3572051415	35CTN1	Ph m Th Thanh	N	27/02/1993				9.0	9.0		9.0	2.7	5.8	4.1	6.8	
25	3572051739	35CTN1	ấ ấ n Quang Nh	Ng c	21/09/1993				9.0	9.0		9.0	2.7	3.5	2.5	5.2	
26	3572050870	35CTN1	Nguy n B o	Ng c	12/10/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	7.3	5.1	7.7	
27	3572050840	35CTN1	Qu ấ ng Th	Nh	03/09/1993				9.0	10.0		9.5	2.9	5.5	3.9	6.7	
28	3572050266	35CTN1	Ki u Th	Nhung	17/08/1993				8.5	10.0		9.3	2.8	5.3	3.7	6.5	
29	3572050740	35CTN1	VHNg c	Nh	16/06/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
30	3572050874	35CTN1	Mai Hoàng	Phi	12/03/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
31	3572050889	35CTN1	Tr n C ấ ng	Phúc	01/05/1993				8.0	10.0		9.0	2.7	4.5	3.2	5.9	N HP
32	3572050890	35CTN1	Lê Nghi	Qu ấ n	21/09/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
33	3572050798	35CTN1	Ng ấ Th M	Quyên	27/10/1993				8.5	8.0		8.3	2.5	4.5	3.2	5.6	
34	3572051730	35CTN1	Hu ấ nh Ph ng	Qu ấ nh	20/08/1993				9.0	9.0		9.0	2.7	5.8	4.1	6.8	
35	3572050836	35CTN1	Tr n Tri u	Tiên	14/12/1992				8.0	10.0		9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
36	3572050700	35CTN1	ấ Th Thanh	Ti n	06/06/1993				9.0	9.0		9.0	2.7	7.5	5.3	8.0	
37	3572051750	35CTN1	Nguy n Th B ấ	Tuy n	26/01/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
38	3572050708	35CTN1	Nguy n Th C m	Tú	27/02/1993				8.5	8.0		8.3	2.5	2.5	1.8	4.2	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CTN1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167321303 - T ấ ch ấ nh doanh nghi p H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3572050752	35CTN1	ấ ng Ng c Thi ấ n Thanh	30/01/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	
40	3572051192	35CTN1	Phan V ấ Thành	30/12/1991				8.0	8.0		8.0	2.4	3.0	2.1	4.5	N HP
41	3572050883	35CTN1	H Th Thu Th o	07/01/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	4.5	3.2	5.7	
42	3572050875	35CTN1	Nguy n Th M Th nh	10/02/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	
43	3572050876	35CTN1	Ng ấ Qu c Th ng	03/02/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
44	3572050832	35CTN1	Nguy n ấ c Th nh	24/12/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
45	3572050761	35CTN1	Ph m Th Th nh	08/08/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
46	3572050823	35CTN1	ấ inh Th Thu	16/03/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	4.5	3.2	5.7	N HP
47	3572050879	35CTN1	Huu nh Qu c Thu n	10/09/1992				8.0	9.0		8.5	2.6	3.0	2.1	4.7	
48	3572050248	35CTN1	L ấ Ph m Ph ng Th y	11/08/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
49	3572050882	35CTN1	L ấ Th Huy n Trang	10/10/1993				8.0	10.0		9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
50	3572051784	35CTN1	Nguy n B ấ i Thuu Trang	06/06/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
51	3572050881	35CTN1	Tr n Th Th ấ y Trang	11/06/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	6.8	4.8	7.2	
52	3572050694	35CTN1	Nguy n Ho ấ ng V ấ O	19/06/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	
53	3572051396	35CTN1	V ấ K p V ng	28/04/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
54	3572051348	35CTN1	Nguy n Th Thanh Xu ấ n	31/07/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	7.5	5.3	7.8	
55	3572051837	35CTN1	Nguy n Th H ấ Y n	20/08/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
56	3572050885	35CTN1	Ph m Th Kim Y n	15/03/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	

T ñg s : 56 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa